TÒA ÁN NHÂN DÂN **Q. THANH KHÊ – TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **17**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 06-6-2019
V/v tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thái
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hồng
2. Ông Phạm Thuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng *tham gia phiên toà:* Ông Lê Nguyên Lương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/4/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10/5/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Cao Thị T** - sinh năm: 1979; Địa chỉ: Số X, đường Y, phường Z, quận K, TP. Đà Nẵng. *Có mặt*

- *Bị đơn:* Ông **Võ Văn S** - sinh năm: 1976; Địa chỉ: Số X, đường Y, phường Z, quận K, TP. Đà Nẵng. *Vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn - bà Cao Thị T trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Võ Văn S tổ chức hôn lễ truyền thống và chung sống với nhau từ năm 1999, đến năm 2001 thì đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại tổ F phường Z, quận K, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông S không có trách nhiệm và thường xuyên say xỉn chửi mắng bà T. Vì thương con còn ăn học, bà T đã cố gắng khuyên giải nhưng ông S

không thay đổi. Nay bà T xác định không còn yêu thương ông S, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông S.

- Về con chung: Bà Cao Thị T xác định bà và ông Võ Văn S có một con chung là Võ Cao Văn C, sinh ngày 15/5/2002. Ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Cao Thị T xác định bà và ông Võ Văn S không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Bà Cao Thị T xác định bà và ông Võ Văn S không nợ nần ai và không ai nợ nần ông bà.

**** Bị đơn là ông Võ Văn S trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Cao Thị T về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn và xác định việc kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Ông S cho rằng trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng là những mâu thuẫn thường gặp trong cuộc sống gia đình, không có gì lớn. Ông S thừa nhận bản thân ông thường xuyên say xỉn nên có nhiều lần to tiếng với bà T. Nay bà T yêu cầu ly hôn, ông nhận thấy con cái còn đang tuổi ăn học, bản thân ông còn yêu thương bà T nên xin được đoàn tụ để cùng nhau chăm sóc gia đình.

- Về con chung: Ông S thống nhất xác định vợ chồng có một con chung như bà T đã trình bày. Trường hợp ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông S thống nhất xác định như lời trình bày của bà T.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu ý kiến:***

Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã thụ lý vụ án, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của đương sự, xác minh, thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn, giao con chung là Võ Cao Văn C bà Cao Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, ông S không cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung do các bên xác định không có nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

***Về tố tụng:**

Nguyên đơn bà Cao Thị T khởi kiện về "Ly hôn và tranh chấp về nuôi dưỡng con chung" đối với bị đơn là ông Võ Văn S có địa chỉ cư trú tại Số X, đường Y, phường Z, quận K, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân quận Thanh Khê đã triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng tại phiên tòa lần thứ hai đối với bị đơn ông Võ Văn S nhưng ông S vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

***Về nội dung vụ án:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Cao Thị T và ông Võ Văn S đã tuân thủ đầy đủ các quy định về kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt được mục đích nên yêu cầu ly hôn với ông S, còn ông S yêu cầu được đoàn tụ.

Xét yêu cầu của các bên thì thấy: Cả hai đều xác định trong quá trình chung do ông S thường say xỉn nên giữa vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, to tiếng cãi vã kéo dài nhiều năm nay. Bản thân ông S tuy yêu cầu đoàn tụ nhưng trong suốt thời gian Tòa án tiến hành giải quyết vụ án ông S không đưa ra được biện pháp để cải thiện mâu thuẫn vợ chồng, trong khi bà T cương quyết yêu cầu ly hôn nên không thể thỏa mãn yêu cầu đoàn tụ của ông S, mà cần căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu ly hôn với ông S của bà T.

[2] Về quan hệ con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T và ông S xác định ông bà có một con chung là Võ Cao Văn C, sinh ngày 15/5/2002. Cả hai đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bên còn lại cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn.

Xét yêu cầu của nguyên đơn và bị đơn thì thấy: Cháu C hiện nay đang sinh sống và học tập tại huyện B, tỉnh Q là nhà cha mẹ ruột của bà T. Hiện cháu C đã học xong lớp 11, chuẩn bị vào học lớp 12 nên cần tránh việc xáo trộn trong cuộc sống, học tập vì vậy việc giao cháu C cho bà T chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế cũng như phù hợp với nguyện vọng của con chung.

Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề này.

[3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: cả nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất xác định không có nên không xem xét.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc xem xét cho bà T được

ly hôn với ông S, về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung phù hợp như nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[5] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Cao Thị T ly hôn với ông Võ Văn S.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Võ Cao Văn C, sinh ngày 15/5/2002 cho bà Cao Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên, ông Võ Văn S không cấp dưỡng nuôi con.

Các bên vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Vì quyền lợi của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu cấp dưỡng và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Án phí HNGĐ-ST: 300.000đ bà Cao Thị T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 4482 ngày 17/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Bà T đã nộp đủ án phí HNGĐ sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Cao Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Võ Văn S được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- UBND phường Thạch Thang;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

DƯƠNG THỊ THÁI